

NHIỆM VỤ HỌC TẬP

CÂU 1: HỌC SINH ÔN LẠI CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ TỪ VỰNG ĐÃ HỌC

CÂU 2: TÌM HIỂU KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI BIỆN PHÁP TU TỪ ẪN DỤ VÀ HOÁN DỤ. MỖI BIỆN PHÁP TU TỪ LẤY 2 VÍ DỤ

TIẾNG VIỆT

**THỰC HÀNH PHÉP TU
TỪ' ẢN DỤ VÀ HOÁN DỤ**

CẤU TRÚC BÀI HỌC

I. ẮN DỤ

1. Tìm hiểu ngữ liệu

1.1. Ngữ liệu 1 SGK tr. 135

1.2. Ngữ liệu 2 SGK tr. 135,136

2. Khái niệm

II. HOÁN DỤ

1. Tìm hiểu ngữ liệu

1.1. Ngữ liệu 1 SGK tr. 136

1.2. Ngữ liệu 2 SGK tr. 136,137

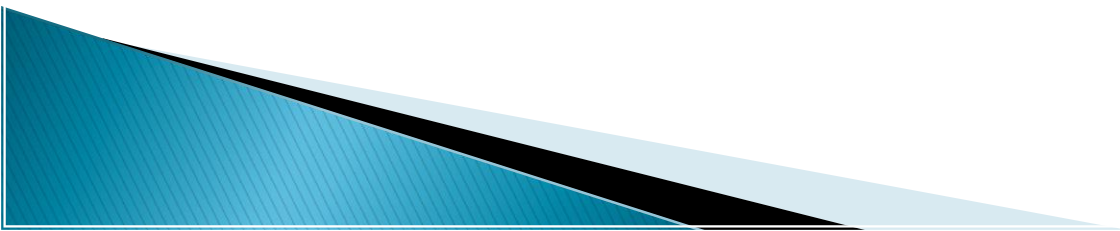
2. Khái niệm

III. LUYỆN TẬP

IV. BÀI TẬP VẬN DỤNG

I. ẮN DỤ

1. Tìm hiểu ngữ liệu

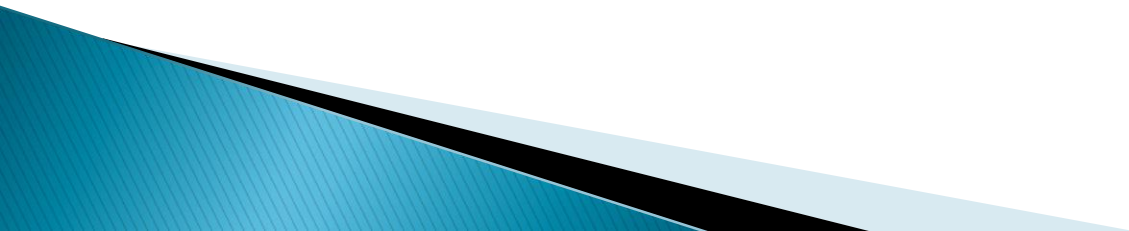




Thảo luận: 6 nhóm (5 phút)

- Nhóm 1: Bài tập1 (SGK tr.135)**
 - Nhóm 2: Bài tập 2.1 (SGK tr.135,136)**
 - Nhóm 3: Bài tập 2.2 (SGK tr.136)**
 - Nhóm 4: Bài tập 2.3 (SGK tr.136)**
 - Nhóm 5: Bài tập 2.4 (SGK tr.136)**
 - Nhóm 6: Bài tập 2.5 (SGK tr.136)**
- 
- 

1.1. Ngữ liệu 1 (SGK tr. 135)



a.

1)

Thuyền ơi có nhớ bến chẳng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

Đối tượng được so sánh
(A)

Đối tượng dùng để
so sánh (B)

Chàng trai

Không cố định

Thuyền

Dễ thay đổi

Cô gái

Cố định

Bến

Không thay đổi

*Khăng định tình yêu son sắt thủy chung mà cô gái
dành cho chàng trai.*

2)

*Trăm năm đành lỗi hẹn hò,
Cây đa bến cũ, con đò khác đưa.*

**Đối tượng được so sánh
A**

**Đối tượng dùng để
so sánh B**

Cái cố định, không
thay đổi

Cây đa, bến cũ

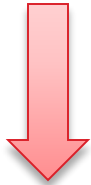
Cái di chuyển, mới xuất
hiện chỉ sự thay đổi

Con đò

*Nỗi buồn lỗi hẹn của đôi lứa yêu nhau mà
không lấy được nhau.*

b. Sự khác nhau giữa câu ca dao (1) và (2)

Thuyền, bến (1)



Chỉ hai đối tượng cụ thể là chàng trai và cô gái → sự thủy chung

Cây đa bến cũ, con đò (2)



Những người có quan hệ tình cảm gắn bó sâu nặng nhưng phải xa nhau

- Căn cứ vào mối quan hệ song song, tương đồng giữa các hình ảnh.
- Đặt các hình ảnh trong sự liên tưởng (So sánh ngầm).

1.2. Ngữ liệu 2 (SGK tr. 135,136)

(1)

*Dưới trăng quỳên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.*
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Hình ảnh thực
(A)

Hình ảnh Ẩn dụ
(B)



Hoa lựu đỏ lấp ló trong
đám lá như đốm lửa

Lửa lựu
lập lòe

Ẩn dụ hình thức → Bức tranh thiên nhiên mùa hè sinh động, có hồn, giàu màu sắc.

(2). Vứt đi những thứ văn nghệ ngon ngọt, bày ra sự phê phán thỏa thuê hay cay đắng chất độc của bệnh tật, quanh quẩn vài tình cảm gầy gò của cá nhân co rúm lại. Chúng ta muốn có những cuốn tiểu thuyết, những câu thơ thay đổi được cả cuộc đời người đọc - làm thành người, đẩy chúng ta lên một sự sống trước kia chỉ đứng xa nhìn thấp thoáng. (Nguyễn Đình Thi, Nhận đường)

Hình ảnh thực (A)

- Ăn dụ bổ sung → Văn chương thoát li đời sống, vô bổ.
- Ăn dụ hình thức → Tình cảm cá nhân nhỏ bé, ích kỉ.
- Ăn dụ hình thức → Chỉ sự bi quan, yếm thế.

- Ăn dụ hình thức → Chỉ sự hưởng lạc.

Hình ảnh ẩn dụ (B)

“Thứ văn nghệ ngon ngọt”
“Tình cảm gầy gò”
“Cay đắng chất độc của bệnh tật”

“Sự phê phán thỏa thuê”

(3)

Oi con chim chiến chiến

Hót chỉ mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

(Thanh Hải, *Mùa xuân nho nhỏ*)

Hình ảnh thực (A)

Cuộc sống mới

Tiếng reo vui của con người

Thành quả cách mạng và
công cuộc xây dựng đất nước

Trân trọng thành quả cách
mạng

Hình ảnh ẩn dụ (B)

Con chim chiến chiến

Hót

Giọt

Hứng

Ẩn dụ bổ sung: Vẻ đẹp, sức sống của sáng mùa xuân được cảm nhận bằng mọi giác quan, là cái đẹp của cuộc đời, của cuộc sống.

(4) Thác bao nhiêu thác cũng qua,
Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời.
(Tổ Hữu, Nước non ngàn dặm)

Hình ảnh thực
(A)

Những khó khăn gian khổ
của nhân dân trong cuộc
kháng chiến chống Mỹ.

Sự nghiệp cách mạng chính
nghĩa của nhân dân.

Hình ảnh ẩn dụ
(B)

Thác

Thuyền

Ẩn dụ hình thức: *Niềm tin vào thắng lợi của sự
nghiệp cách mạng chính nghĩa của nhân dân ta.*

(5)

*Xưa phù du mà nay đã phù sa,
Xưa bay đi mà nay không trôi mất.
(Chế Lan Viên , *Nay đã phù sa*)*

**Hình ảnh thực
(A)**

**Hình ảnh ẩn dụ
(B)**

Kiếp sống trôi nổi, phù phiếm,
quẩn quanh vô nghĩa

Phù du

Cuộc sống mới tươi đẹp,
mạnh mẽ

Phù sa

**Ẩn dụ tượng trưng → Niềm vui với cuộc sống
mới tươi đẹp.**

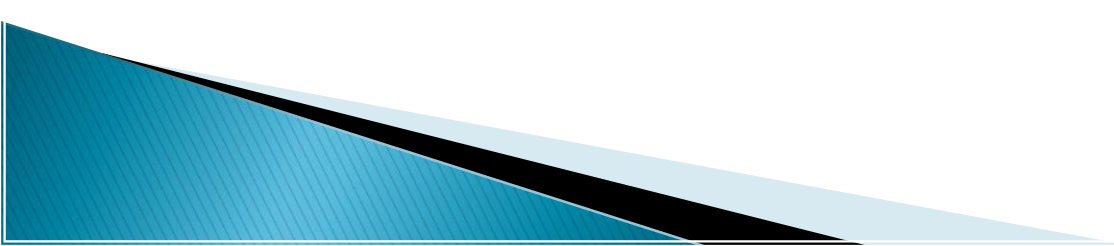
1. ẨN DỤ

2. Khái niệm

Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này (A) bằng tên sự vật hiện tượng khác (B) **có nét tương đồng** với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Các kiểu ẩn dụ thường gặp

- + Ẩn dụ hình thức.
- + Ẩn dụ cách thức.
- + Ẩn dụ phẩm chất.
- + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (hay còn gọi là ẩn dụ bổ sung).



II. HOÁN DỤ

1. Tìm hiểu ngữ liệu



Thảo luận: 5 nhóm (5 phút)

- **Nhóm 1: Bài tập II.1 (SGK tr.136)**
 - **Nhóm 2: Bài tập II.2 (SGK tr.136)**
 - **Nhóm 3: Nêu khái niệm hoán dụ**
 - **Nhóm 4: So sánh điểm giống và khác nhau giữa ẩn dụ và hoán dụ.**
 - **Nhóm 5: Chỉ ra các bước tìm và phân tích biện pháp tu từ ẩn dụ/ hoán dụ.**
- 
- 

1.1. Ngữ liệu 1 (SGK tr. 136)

(1) Đầu xanh có tội tình gì,
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

A

“Tuổi thơ”, “Tuổi trẻ”, “Thanh
xuân”

Người con gái đẹp”, “Nàng
Kiều”

Con người

B

Đầu xanh

Má hồng

Lấy từ chỉ bộ
phận (đầu, má)

Liên tưởng tương
cận (gần gũi nhau)

Các hoán dụ trên chỉ nàng Kiều- một cô gái lâu xanh
trẻ đẹp.

1.1 . Ngữ liệu 1 (SGK tr. 136)

(2) Áo nâu liên với áo xanh,
Nông thôn liên với thị thành đứng lên.
(Tố Hữu, *Ba mươi năm đời ta có Đảng*)

A

B



Liên tưởng
tương cận

←
(Con người // cái áo)

Áo nâu

Liên tưởng
tương cận

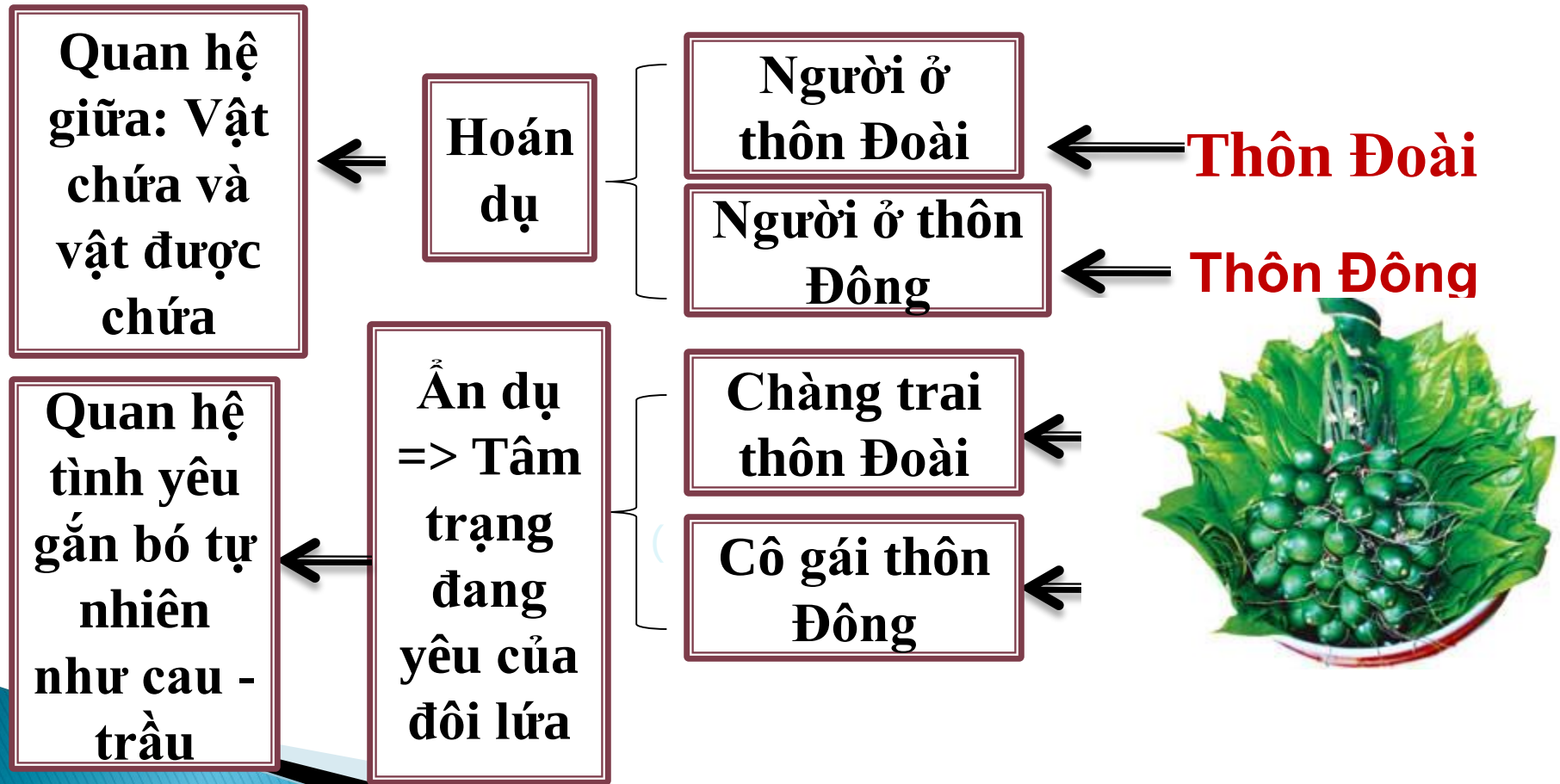
←
(Con người // cái áo)

Áo xanh

➔ Hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật →
Sự liên minh của giai cấp công – nông.

1.2 . Ngữ liệu 2 (SGK tr. 136, 137)

- a. Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
Cau thông Đoài nhớ giàu không thôn nào.
(Nguyễn Bính, *Tương tư*)



? Cùng bày tỏ nỗi nhớ người yêu, nhưng câu "*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*" khác với câu ca dao "*Thuyền ơi có nhớ bến chăng*" ở điểm nào?

b. Cùng bày tỏ nỗi nhớ người yêu, nhưng câu "*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*" sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ, còn câu "*Thuyền ơi có nhớ bến chăng*" sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ.

II. HOÁN DỤ

2. Khái niệm

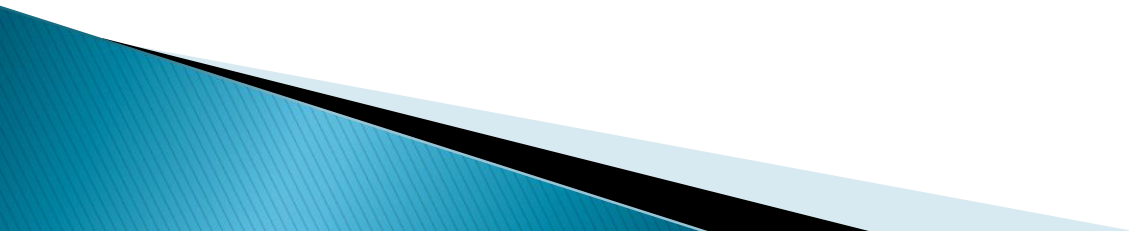
Hoán dụ là gọi tên sự vật hiện tượng này (A) bằng tên sự vật, hiện tượng khác (B) **có quan hệ gần gũi với nó** nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

* Các kiểu hoán dụ thường gặp:

- Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể
- Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng
- Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật
- Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

III. BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**So sánh sự giống và khác nhau của biện pháp
ẩn dụ và hoán dụ?**



III. BÀI TẬP LUYỆN TẬP

SO SÁNH ẨN DỤ VÀ HOÁN DỤ

1. Điểm giống:

*Ẩn dụ và hoán dụ đều dựa trên nguyên tắc chuyển nghĩa của từ theo quan hệ giữa các sự vật hiện tượng mà chúng biểu hiện.

2. Điểm khác:

- Ẩn dụ dựa trên sự liên tưởng giống nhau (liên tưởng tương đồng) của hai đối tượng bằng so sánh ngầm.
- Hoán dụ dựa trên sự liên tưởng gần nhau (liên tưởng tương cận) của hai đối tượng mà không cần so sánh.

*Ẩn dụ = liên tưởng tương đồng.

*Hoán dụ = liên tưởng tương cận.

Câu 1

**Biện pháp tu từ nào được sử dụng
trong bài ca dao sau:**

*Em tưởng nước giếng sâu
Em nổi sợi gầu dài
Ai ngờ nước giếng cạn
Em tiếc hoài sợi dây.*

A

Ẩn dụ

Đúng

B

So sánh

Sai

C

Hoán dụ

Sai

D

Nói quá

Sai



Câu 2

**Nối hình ảnh ở cột A với cách hiểu
phù hợp ở cột B**

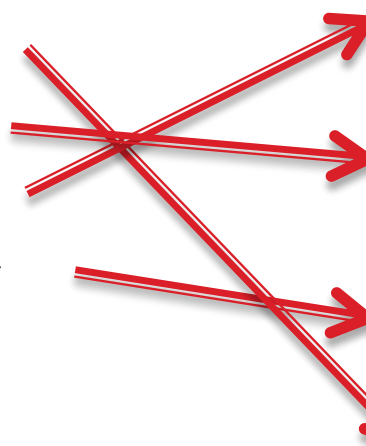
*Em tưởng nước giếng sâu
Em nối sợi gầu dài
Ai ngờ nước giếng cạn
Em tiếc hoài sợi dây.*

A

1. Nước giếng sâu
2. Nối sợi gầu dài
3. Nước giếng cạn
4. Tiếc hoài sợi dây

B

- a. Sự nông cạn hời hợt giả dối của tình người
- b. Trao gửi tấm lòng, kết nối tâm tình, tình cảm
- c. Đau xót khi tấm chân tình bị đặt nhầm chỗ
- d. Tình cảm chân thành, tha thiết



Câu 3

Từ “mồ hôi” trong ví dụ sau được dùng để hoán dụ cho sự vật gì ?

*“**Mồ hôi** mà đổ xuống đồng
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đôi nương.”*

Sai

Chỉ người lao động.

Sai

Chỉ công việc lao động.

Đúng

Chỉ quá trình lao động nặng nhọc vất vả.

Sai

Chỉ kết quả con người thu được trong lao động.

Câu 4 Cụm từ “*miền Nam*” được dùng như là một hoán dụ trong trường hợp nào ?

A

*Con ở **miền Nam** ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.
(Viễn Phương)*

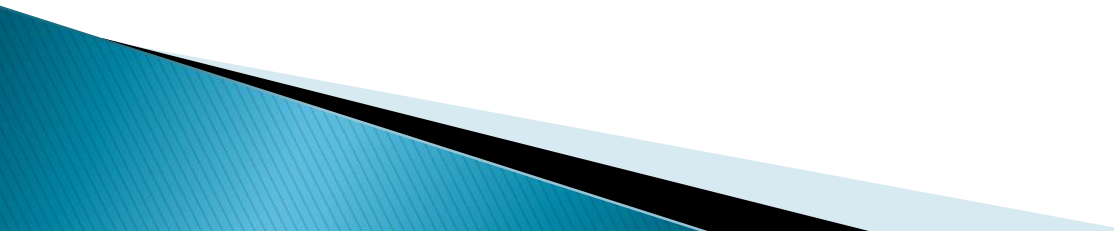
Sai

B

*Gửi **miền Bắc** lòng **miền Nam** chung thủy
Đang xông lên chống Mỹ tuyến đầu
(Lê Anh Xuân)*

Đúng

IV. BÀI TẬP VẬN DỤNG

- Sưu tầm các câu thơ, ca dao có sử dụng phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.
 - Quan sát một sự vật, nhân vật quen thuộc và thử đổi tên gọi của chúng theo phép ẩn dụ hoặc hoán dụ để viết một đoạn đoạn văn (khoảng 5- 7 câu) về sự vật, nhân vật đó.
- 

IV. BÀI TẬP VẬN DỤNG

- Các câu thơ, ca dao có sử dụng phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.

1. *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

Có một mặt trời trong lăng rất đỏ

(Viếng lăng Bác – Viễn Phương)

2. *Bàn tay ta làm nên tất cả*

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm

(Hoàng Trung Thông)

IV. BÀI TẬP VẬN DỤNG

- Quan sát một sự vật, nhân vật quen thuộc và thử đổi tên gọi của chúng theo phép ẩn dụ hoặc hoán dụ để viết một đoạn đoạn văn (khoảng 5- 7 câu) về sự vật, nhân vật đó.

IV. BÀI TẬP VẬN DỤNG

1. “Thư viện nhà trường có rất nhiều sách báo. Chúng em rất nâng niu và quý mến những cánh cửa nhỏ dẫn vào con đường đời như thế”

“cánh cửa”: chỉ sách báo.

2. “Cơn bão số một đã đi qua. Sóng đã yên, biển đã lặng. Nhưng cơn bão cuộc sống hàng ngày thì vẫn tiếp diễn. Đây là cảnh mẹ mất con, vợ mất chồng, gia đình tan nát. Những đôi mắt trẻ thơ ngơ ngác nhìn quanh”

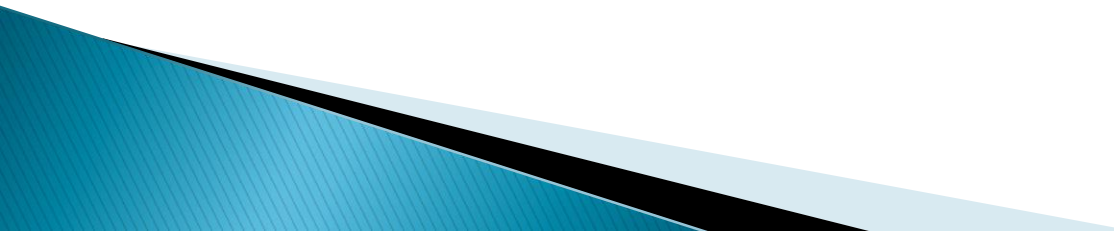
- “Sóng” và “biển”: hình ảnh hoán dụ chỉ cuộc sống đã trở lại bình yên sau cơn bão.

- “Cơn bão”: ẩn dụ chỉ sự tàn phá mất mát, đau đớn hàng ngày.

- “Đôi mắt trẻ thơ ngơ ngác”: hoán dụ chỉ những đứa trẻ chưa đủ nhận thức được trước những mất mát đau thương

IV. BÀI TẬP VẬN DỤNG

Các bước tìm và phân tích biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ:

- **Bước 1:** Tìm từ ngữ có chứa phép tu từ ẩn dụ/hoán dụ.
 - **Bước 2:** Xác định nội dung hàm ẩn.
 - **Bước 3:** Xác định giá trị biểu đạt.
- 

**Chúc các em thực hiện tốt 5K
Và an toàn trong mùa dịch!**

